

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 3258/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 31 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,94 ha) tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, của Công ty TNHH Tân Lập

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1639/STNMT-CCBVMT ngày 26/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,94 ha) tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Tân Lập;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,94 ha) tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/TL-DA ngày 15/8/2023 của Công ty TNHH Tân Lập;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1044/TTr-STNMT ngày 29/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,94 ha) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tân Lập (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND huyện Hoài Ân;
- UBND xã Ân Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC CÁT LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
(DIỆN TÍCH 1,94 HA) TẠI SÔNG AN LÃO, XÃ AN MỸ,
HUYỆN HOÀI AN CỦA CÔNG TY TNHH TÂN LẬP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường (diện tích 1,94 ha) tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: Tại sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Tân Lập.
- Địa chỉ liên hệ: Số 245 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256 3838 268 (Bà Phạm Thị Thúy Phương, Tổng Giám đốc).

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích: 1,94 ha (diện tích đưa vào khai thác: 1,90 ha).
- Thời gian khai thác: 02 năm, khai thác từ ngày 01/01 đến hết ngày 15/9 hàng năm (theo Thông báo số 176/TB-UBND ngày 07/8/2019 và Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh).
- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h00 và từ 13h00 đến 17h00).
- Công suất khai thác: 16.000 m³ cát địa chất/năm (tương ứng 17.760 m³ cát nguyên khai/năm); Chiều sâu khai thác trung bình từ 1,63 m - 1,78 m.

1.3. Trình tự, phương pháp khai thác:

Phân thành 02 lô khai thác để thực hiện khai thác trong 02 năm. Mở via khai thác phía Tây Nam khu mỏ (tại điểm góc số 8) thuộc lô 1, khai thác theo lớp bằng, tuyến khai thác được phát triển song song với hướng dòng chảy của sông, khai thác theo dải, từ lòng sông vào bờ, từ thượng lưu về hạ lưu; cos kết thúc khai thác dao động từ +6,8m đến +7,8m. Sử dụng 01 máy đào (dung tích gàu 0,8 m³) để khai thác tập kết cát tại bãi lưu chứa tạm trước khi đưa lên ô tô vận chuyển tải trọng 7 tấn đến nơi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Khu vực phụ trợ diện tích khoảng 280 m² (nằm ngoài ranh giới mỏ) bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, trạm cân, camera, bảng thông báo, nhà điều hành, nhà vệ sinh di động.

- Bãi lưu chứa cát tạm: diện tích khoảng 300 m², nằm trong khu vực mỏ để thực hiện lưu chứa cát rút nước, đảm bảo cát khô trước khi vận chuyển tiêu thụ. Thời gian lưu chứa tối đa 2 ngày và thu dọn, tháo dỡ và hoàn thành trước ngày 30/9 hằng năm.

- Tuyến đường vận tải ngoài mỏ: Cải tạo, nâng cấp mở rộng tuyến đường đất hiện trạng nối từ đường giao thông nông thôn đến bờ sông có kích thước: dài 40 m x rộng 7 m. Mở mới tuyến đường từ bờ sông đi trên bãi bồi đến ranh giới phía Bắc khu mỏ có kích thước: dài 35 m x rộng 5 m.

- Tuyến đường vận tải trong mỏ: Đầm nén trên bãi bồi hiện trạng có kích thước: dài 380 m x rộng 4,5 m. Đoạn bắc qua sông được bố trí 12 làn cống (gồm: 12 cống BTCT D1.000, chiều dài 5,0 m), đảm bảo thoát nước cho nhánh sông An Lão.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Tuyến đường nội bộ và bãi lưu chứa cát tạm có khả năng gây cản trở dòng chảy trong mùa mưa.

- Hoạt động khai thác cát tại dự án gây nguy cơ sạt lở bờ, kè ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con; nguy cơ thiếu hụt nước cấp cho Trạm bơm nông nghiệp xã Ân Tín ở thượng lưu.

- Hoạt động vận chuyển cát đi tiêu thụ có nguy cơ gây rơi vãi cát, bụi và hư hỏng đến tuyến đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt khoảng 0,64 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh.

- Khí thải, bụi: phát sinh từ quá trình khai thác cát và vận chuyển cát đến các công trình.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Chất thải nguy hại phát sinh tại khu mỏ:

+ Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

+ Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.3. Tiếng ồn, độ rung: tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển cát đến nơi tiêu thụ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

Đối với nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh của các hộ dân gần khu vực mỏ hoặc bố trí nhà vệ sinh di động tại khu vực phụ trợ để thu gom, xử lý. khi bể đầy, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Đối với các phương tiện vận chuyển cát: vận chuyển cát khô, đúng tải trọng; phủ bạt kín trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi ra đường.

- Trên tuyến đường vận chuyển cát (đoạn đường đất hiện trạng): thực hiện phun nước với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Khu vực bãi lưu chứa cát tạm: thực hiện che chắn đảm bảo giảm thiểu bụi, cát bay.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa tại khu vực phụ trợ, hợp đồng xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Bố trí 12 làn cống (gồm: 12 cống BTCT D1.000, chiều dài 5,0 m) dưới tuyến đường nội bộ trong khu vực khai thác, đảm bảo thoát nước cho nhánh sông An Lão.

- Dẫn dòng và đắp bờ để dẫn nước về trạm bơm, không để tình trạng hực nước vào cửa hút trạm bơm ảnh hưởng đến việc canh tác của người dân tại địa phương.

- Trước khi khai thác, Công ty thực hiện gia cố đoạn bờ sông đang có dấu hiệu sạt lở có chiều dài 100 m bằng lớp rọ đá (2mx1mx1m) để hạn chế sạt lở khu vực bờ sông phía Nam dự án và được giữ lại khi kết thúc dự án.

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị Tính	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
I Khu vực mỏ					
1.	San gạt mặt bằng mỏ	m ³	1.566	Đảm bảo địa hình kết thúc sau khai thác thoải trong bờ ra lòng sông, không tạo hố sâu cục bộ so với mặt bằng xung quanh	Sau khi kết thúc khai thác
2.	Tháo dỡ đường giao thông nội bộ vào các lô khai thác cuối cùng	m ³	945	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Thực hiện hàng năm và hoàn thành trước mùa mưa (30/9)
3.	Đo vẽ địa hình khu vực mỏ	ha	1,94	Giám sát chiều sâu khai thác; đánh giá sạt lở bờ sông	Sau khi kết thúc khai thác hàng năm
4.	Tháo dỡ ống cống thoát nước qua đường tạm từ bờ sông đến khu vực khai thác	m	60	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Thực hiện hàng năm và hoàn thành trước mùa mưa (30/9)
II Khu vực ngoài mỏ					
1.	Vệ sinh tuyến đường vận chuyển (đoạn có rơi vãi cát qua khu dân cư)	m ³	189	Giảm thiểu bụi, cát bay	Thường xuyên
2.	Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	Cái	4,0	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc dự án
3.	Tháo dỡ nhà vệ sinh di động	Cái	01	Trả lại hiện trạng ban đầu	Thực hiện hàng năm và hoàn thành trước mùa mưa (30/9)
4.	Làm và thả rọ đá gia cố bờ sông phía Nam	Rọ đá	100	Đảm bảo bờ sông không bị sạt lở	Thực hiện trước khi khai thác
5.	Tháo dỡ đường vận chuyển chính từ bờ sông đến khu vực khai thác	m ³	88	Đảm bảo khơi thông dòng chảy của sông	Thực hiện hàng năm và hoàn thành trước mùa mưa (30/9)

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường **334.113.000 đồng**
(*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu một trăm mười ba ngàn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 02 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 83.528.000 đồng; thời điểm ký quỹ trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở.

+ Lần 2, số tiền: 250.585.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, số 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: không thực hiện.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Sau khi kết thúc khai thác Công ty thực hiện tháo dỡ đường nội bộ và các tuyến cống thoát nước bắt qua đường nội bộ đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

- Thực hiện khai thác đúng quy trình, độ sâu cho phép; tạo góc nghiêng bờ mỏ tại những vị trí có cao độ kết thúc chênh lệch lớn so với mặt bằng bên ngoài nhằm giảm thiểu sạt lở.

- Trong quá trình khai thác, nếu có xảy ra hiện tượng sạt lở hai bên bờ, ảnh hưởng đến diện tích hoa màu của bà con, gây hiện tượng thiếu nước đưa về trạm bơm nông nghiệp xã Ân Tín, Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác: không.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.2. Giám sát dòng chảy:

- Thực hiện giám sát việc khai thác đảm bảo lưu thông dòng chảy.

- Vị trí giám sát: giám sát tại khu vực dự án.

5.3. Các giám sát khác:

- Giám sát sạt lở hai bên bờ, an toàn giao thông trong quá trình khai thác, vận chuyển cát.

- Tần suất quan trắc: thường xuyên, liên tục trong suốt thời gian khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: không.